

Bản án số: 21/2024/DS-ST
Ngày 27/9/2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲ HỢP – TỈNH NGHỆ AN

Thành hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên toà: Ông Quán Vi Tuấn.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Thế Quế

Bà Hoàng Thị Tuấn Anh

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Trần Anh Quân – Thư ký
Toà án nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp tham gia phiên toà: Bà
Dương Thị Hồng Lĩnh - KSV.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2024/TLST – DS ngày 01 tháng 02 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2024/QĐXX ST– DS ngày 12 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trương Xuân H, sinh năm 1965.
Địa chỉ: Xóm T, xã M, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

(Có mặt)

Bị đơn: Bà Chu Thị S, sinh năm 1973.

Anh Phan Thế H1, sinh năm 1990.

Cùng trú tại: Xóm T, xã N, huyện Q, tỉnh Nghệ an.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai thì nguyên đơn ông Trương Xuân H trình bày: Ông và bà Chu Thị S là người trực tiếp giao dịch, thoả thuận việc bà S vay của ông số tiền 1.000.000.000 đồng. Bà Chu Thị S là người viết giấy ngày 01/02/2020; Nội dung giấy vay ghi: "02 mẹ con Chu Thị S, con Phan Thế H1 cùng trú tại xóm T, Q, Nghệ An có vay vợ chồng anh H, L: cùng trú tại xóm T, Minh H2, Q, N A với số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng chẵn). Lãi theo thoả thuận. Khi nào anh chị cần hai mẹ con phải có trách nhiệm

thanh toán cho vợ chồng anh chị”. Bà Chu Thị S và anh Phan Thế H1 (con trai bà S) ký tên bên vay. Trong giấy vay tiền, không ghi thời hạn trả, ông Trương Xuân H và bà Chu Thị S không ghi mức lãi suất nhưng theo ông H thì hai bên thoả thuận theo lãi suất ngân hàng là 1%/ tháng. Ngày 06/7/2020, bà S đã thanh toán tiền lãi 06 tháng của năm 2020 theo lãi suất thoả thuận 1%/tháng của số tiền vay gốc 1.000.000.000 đồng. Ngày 30/6/2022 bà S đã thanh toán cho ông số tiền gốc là 500.000.000 đồng. Ngày 30/9/2023 bà S thanh toán tiếp cho ông Hợp số tiền gốc là 100.000.000 đồng. Còn nợ tiền gốc là 400.000.000 đồng. Ông Trương Xuân H khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà Chu Thị S, anh Phan Thế H1 trả cho ông nợ gốc 400.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 1%/tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến hết tháng 09 năm 2023 trên số tiền gốc 500.000.000 đồng là 21 tháng tính thành tiền là 105.000.000 đồng nhưng ông chỉ lấy 100.000.000 đồng. Từ tháng 10 năm 2023 đến khi giải quyết xong vụ án thì ông H không yêu cầu bà S trả tiền lãi nữa. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông H chỉ yêu cầu bà S, anh H1 phải trả tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc 500.000.000 đồng từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến hết tháng 9 năm 2023 là 10%/năm.

- Quá trình ghi lời khai tại Toà án, bị đơn anh Phan Thế H1 trình bày: Năm 2020, mẹ anh là bà Chu Thị S vay ông Trương Xuân H số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng), để kinh doanh vật liệu xây dựng. Tuy nhiên, anh không được vay tiền của ông H, không nhận số tiền vay và không biết số tiền vay đã trả bao nhiêu, còn lại bao nhiêu. Anh H1 cho biết anh ký vào giấy vay tiền theo yêu cầu của bà Chu Thị S và ông Trương Xuân H. Nay ông Trương Xuân H khởi kiện yêu cầu anh và bà Chu Thị S trả số tiền đã vay anh đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn bà Chu Thị S trong suốt quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ kiện, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà Chu Thị S không có mặt để lấy lời khai, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tại phiên tòa bà Chu Thị S vẫn tiếp tục vắng mặt lần thứ hai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp phát biểu ý kiến:
+ Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa thấy rằng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án vi phạm về thời hạn giải quyết.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 26, 35, 39 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; điều 463, 466, 468 BLDS 2015; khoản 2, điều 5, Nghị quyết 01/2019 của Hội đồng TP TANDTC; khoản 2, điều 26 NQ 326: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Xuân H, buộc bà Chu Thị S và anh Phan Thế H1 phải trả cho ông Hợp số tiền nợ gốc 400.000.000 đồng, tiền lãi của khoản tiền vay 500.000.000 đồng tính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/9/2023 với mức lãi suất là 10%/năm, số tiền lãi là 87.500.000 đồng.

Tổng số tiền bà S và anh H1 phải trả cho ông Trương Xuân H là: 487.500.000 đồng.

Về án phí: Buộc bà Chu Thị S và anh Phan Thế H1 phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Trương Xuân H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Chu Thị S, anh Phan Thế H1. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết trong vụ án này được xác định là: “tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn bà Chu Thị S, anh Phan Thế H1 có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại xóm T, xã N, huyện Q, tỉnh Nghệ An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Hợp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Đối với bị đơn bà Chu Thị S và anh Phan Thế H1 trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ kiện thì bà Chu Thị S và anh Phan Thế H1 vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà bà Chu Thị S và anh Phan Thế H1 tiếp tục vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do nên cần căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt đối với bà Chu Thị S và anh Phan Thế H1.

[3] Tại đơn khởi kiện, ông Trương Xuân H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Chu Thị S, anh Phan Thế H1 trả cho ông nợ gốc 400.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến hết tháng 09 năm 2023 của số tiền gốc 500.000.000 đồng với lãi suất 1%/tháng là 21 tháng tính thành tiền là 105.000.000 đồng nhưng ông H chỉ yêu cầu trả 100.000.000 đồng.

Tòa án thấy rằng: Trong suốt quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ kiện thì bà Chu Thị S vắng mặt nên Tòa án không lấy được lời khai của bà Chu Thị S về yêu cầu khởi kiện của ông Trương Xuân H. Căn cứ vào giấy vay tiền ngày 01/02/2020, do bà Chu Thị S viết có nội dung “ 02 mẹ con Chu Thị S, con Phan Thế H1. Cùng trú tại xóm T, Q, Nghệ An. có vay vợ chồng anh Hợp L1: Cùng trú tại xóm T, Minh H2, Q, N A với số tiền là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng chẵn). Lãi theo thoả thuận. Khi nào anh chị cần hai mẹ con phải có trách nhiệm thanh toán cho vợ chồng anh chị”. Anh Phan Thế H1 cũng thừa nhận có sự việc bà Chu Thị S vay ông Trương Xuân H số tiền 1.000.000.000 đồng. Tuy anh Phan Thế H1 không thực hiện giao dịch vay tiền, không được cầm tiền vay nhưng nội dung giấy vay tiền lập ngày 01/02/2020 thể hiện: Hai mẹ con bà S, anh H1 vay ông Hợp số tiền 1.000.000.000 đồng, đồng thời anh H1 cũng ký tên vào giấy vay tiền này và ký tên vào nội dung trả số tiền gốc 500.000.000 đồng cho ông H nên có đủ căn cứ xác định khoản vay này là của bà Chu Thị S và anh Phan Thế H1. Xét thấy, giao dịch vay tiền 01/02/2020, được xác lập trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện giữa các chủ thể có năng lực pháp luật dân sự, năng lực

hành vi dân sự. Mục đích và nội dung của giao dịch hợp pháp nên giao dịch vay tiền lập ngày 01/02/2020 của bà Chu Thị S, anh Phan Thế H1 vay ông Trương Xuân H có hiệu lực pháp luật theo quy định tại Điều 117 Bộ luật Dân sự năm 2015 và là hợp đồng vay không có kỳ hạn và có lãi, theo quy định tại khoản 2 Điều 469 Bộ luật dân sự.

Về số tiền vay gốc 1.000.000.000 đồng thì ngày 30/6/2022 bà S đã thanh toán cho ông Hợp số tiền gốc là 500.000.000 đồng. Ngày 30/9/2023 bà S thanh toán tiếp cho ông Hợp số tiền gốc là 100.000.000 đồng. Còn nợ tiền gốc là 400.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất 1%/tháng, theo ông H trình bày là các bên tự thỏa thuận bằng miệng với nhau nhưng không ghi rõ mức lãi suất trong giấy vay. Như vậy, khoản vay xác định có lãi nhưng không ghi rõ mức lãi, là có tranh chấp về lãi suất nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 để tính lãi 10%/năm và tại phiên tòa ông H cũng đồng ý với mức lãi suất 10%/năm/số tiền gốc: 500.000.000 đồng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến hết tháng 09 năm 2023 là 21 tháng. Mức lãi suất 10%/năm (bằng 0,83%/ tháng), số tiền lãi cụ thể như sau: Tiền gốc 500.000.000 đồng x 0,83%/ tháng x 21 tháng = 87.150.000 đồng.

Từ những nhận định trên, có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Xuân H buộc bà Chu Thị S và anh Phan Thế H1 trả nợ cho ông Trương Xuân H số tiền nợ gốc 400.000.000 đồng và tiền lãi 87.150.000 đồng. Tổng số tiền gốc và tiền lãi là 487.150.000 đồng.

[3] Về án phí: Bà Chu Thị S và anh Phan Thế H1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật *ƯA%20XONG\3.BBPT%202024\BBPT%20THÁNG%203\15"* \o "Tổ" *Tổ tụng dân sự.*

- Điều 463; Điều 466; khoản 2 Điều 468; khoản 2 Điều 469 của Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Xuân H;
2. Buộc bà Chu Thị S và anh Phan Thế H1 trả nợ cho ông Trương Xuân H số tiền 487.150.000 đồng (bốn trăm tám mươi bảy triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng), trong đó, nợ gốc 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng chẵn), tiền lãi 87.150.000 đồng (T mươi bảy triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng).

Về án phí:

Buộc bà Chu Thị S và anh Phan Thế H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 23.486.000 đồng (Hai mươi ba triệu bốn trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

Hoàn trả cho ông Trương Xuân H số tiền tạm ứng án phí 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng) đã nộp tại tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0006091 ngày 01/02/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Hợp.

3. Kể từ thời điểm bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 27/9/2024. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ an;
- VKSND huyện Quỳnh hợp;
- THADS huyện Quỳnh hợp;
- Các đương sự;
- Lưu

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Quán Vi Tuấn